

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Toán học; Chuyên ngành: Phương trình vi phân và tích phân

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Vũ Mạnh Tới

2. Ngày tháng năm sinh: 07/05/1986; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Vũ Văn, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Số nhà 32, Đường Sau Đình, thôn Bạch Nao, xã Thanh Văn, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Vũ Mạnh Tới, Bộ môn Toán học, Khoa Công nghệ thông tin, Trường Đại học Thủy lợi, số 175 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0983816532;

E-mail: toivm@tlu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm 11,2009 đến tháng, năm 08,2018: Giảng viên tại Trường Đại học Thủy lợi

Từ tháng, năm 09,2018 đến tháng, năm 06,2019: Thực tập sinh sau Tiến sĩ tại Khoa Toán, Đại học Quốc gia Chungnam, Hàn Quốc

Từ tháng, năm 07,2019 đến tháng, năm 06,2022: Giảng viên tại Trường Đại học Thủy lợi

Chức vụ hiện nay: Giảng viên; Chức vụ cao nhất đã qua: Giảng viên

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Thủy lợi

Địa chỉ cơ quan: Số 175 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: (024) 3852220

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không có

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 09 tháng 06 năm 2009, số văn bằng: A329932, ngành: Sư phạm Toán học, chuyên ngành: Sư phạm Toán học; Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 04 tháng 02 năm 2013, số văn bằng: 4210, ngành: Toán học, chuyên ngành: Toán Giải tích; Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Đại học Thái Nguyên (Chương trình phối hợp với Viện Toán học), Việt Nam

- Được cấp bằng TS [5] ngày 08 tháng 03 năm 2017, số văn bằng: 006390, ngành: Toán học, chuyên ngành: Phương trình vi phân và tích phân; Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Thủy lợi

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Toán học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Tính điều khiển được và bài toán ngược cho phương trình đạo hàm riêng;
- Dạng điều kiện cận nghiệm của một số alpha - mô hình trong cơ học chất lỏng;
- Sự tồn tại và tính ổn định của tập hút cho một số lớp phương trình parabolic.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 2 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 1 cấp Cơ sở;

- Đã công bố (số lượng) 21 bài báo khoa học, trong đó 18 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 0, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
----	-----------------	-----------------	-----------------

1	Thưởng công trình Toán học, 3028/QĐ-BGDĐT, ngày 26/8/2016: "Null controllability in large time of a parabolic equation involving the Grushin operator with an inverse-square potential" của các tác giả: Cung Thế Anh và Vũ Mạnh Tới	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2016
2	Thưởng công trình Toán học, 92/QĐ-VNCCCT, ngày 12/10/2020: "Attractors for nonclassical diffusion equations with dynamic boundary conditions" của các tác giả: Lee Jihoon và Vũ Mạnh Tới	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2020

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Từ khi vào trường, tôi luôn ý thức việc thực hiện nhiệm vụ của một giảng viên đại học. Tôi xin tự đánh giá các tiêu chuẩn chính của Giảng viên đại học bao gồm: giảng dạy và đào tạo, nghiên cứu khoa học và các công việc khác:

a) Về hoạt động giảng dạy và đào tạo:

- Các môn học đã tham gia giảng dạy tại Trường Đại học Thủy lợi: Giải tích hàm một biến; Giải tích hàm nhiều biến; Nhập môn Đại số tuyến tính; Đại số tuyến tính; Nhập môn Xác suất thống kê; Xác suất thống kê.

- Luôn hoàn thành vượt định mức giảng dạy.

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của giảng viên. Các năm học đều đạt lao động tiên tiến.

- Tham gia ôn luyện sinh viên thi Olympic Toán sinh viên toàn quốc môn Giải tích đạt nhiều giải cao.

- Tham gia hợp tác đào tạo cao học cho Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 bao gồm: Hướng dẫn luận văn cao học, tham gia hội đồng chấm luận văn cao học.

b) Về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ: Tôi luôn ý thức việc nghiên cứu khoa học là nhiệm vụ quan trọng đối với giảng viên đại học để nâng cao chuyên môn nghiệp vụ. Sau một thời gian nghiên cứu theo chuyên ngành Phương trình vi phân và tích phân, tôi đã đạt được kết quả như sau:

- Đã đăng 21 bài báo quốc tế, trong đó có 15 bài trên hệ thống tạp chí SCIE, 4 bài trên hệ thống Scopus và 2 bài trên hệ thống tạp chí quốc tế khác.

- Đã hoàn thành 1 đề tài cơ sở cấp trường.

- Được mời phản biện cho một số tạp chí quốc tế: Journal of the Korean Mathematical Society; Dynamics of Continuous, Discrete and Impulsive Systems; Applicable Analysis; Acta Mathematica Vietnamica;

- Review cho Mathscinet.

c) Các công việc khác:

- Hoàn thành tốt công tác giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập được giao.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 10 năm 9 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2015-2016					270		270/331,50/280
2	2016-2017					435		435/524,37/270
3	2017-2018			1		285		285/342,06/270

03 năm học cuối								
4	2019-2020			1		300		300/365,38/270
5	2020-2021					480		480/575,56/270
6	2021-2022					660		660/741,75/280

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☐:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; Tại nước: năm

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☒; Diễn giải: Các bài báo đều đăng trên các tạp chí quốc tế bằng Tiếng Anh; Tham dự và có báo cáo tại một số Hội thảo khoa học Quốc tế bằng Tiếng Anh; Đã đi thực tập sinh sau Tiến sĩ tại Khoa Toán, Đại học Quốc gia Chungnam, Hàn Quốc sử dụng ngôn ngữ Tiếng Anh để trao đổi (9/2018-6/2019).

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/ CK2/ BSNT	Đối tượng	Trách nhiệm hướng dẫn	Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

NCS	HVCH/ CK2/ BSNT	Chính	Phụ					
1	Dương Thị Thanh Huyền		X	X		02/2018 đến 08/2018	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	18/12/2018
2	Nguyễn Ngọc Phát		X	X		11/2019 đến 10/2020	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	18/01/2021

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Không có							

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ()

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Xếp loại KQ
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Bài toán ngược cho một số lớp phương trình parabolic suy biến/kì dị sử dụng ước lượng Carleman	CN	CS2021-12, cấp Cơ sở	18/01/2021 đến 31/12/2021	(20/01/2022)/Khá

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	On the dynamics of nonautonomous parabolic systems involving the Grushin operators	2	Không	International Journal of Mathematics and Mathematical Sciences	- Scopus IF: 0.462	2	Volume 2011, Article ID 178057, 27 page	04/2011

2	Attractors for a semilinear parabolic system involving the Grushin operator	2	Không	Journal of Abstract Differential Equations and Applications	- Hệ thống CSDL quốc tế khác	1	3, 2, 1-12	08/2012
3	Long-Time Behavior for Gradient Parabolic Systems in Some Unbounded Domains	2	Có	Vietnam Journal of Mathematics	Q4 - Scopus		41, 1, 97-113	01/2013
4	Null controllability of a parabolic equation involving the Grushin operator in some multi-dimensional domains	2	Không	Nonlinear Analysis: Theory, Methods & Applications	Q1 - SCIE IF: 1.89	2	93, December 2013, 181-196	12/2013
5	Null controllability for semilinear degenerate/singular parabolic equations	2	Không	Fixed Point Theory	Q2 - SCIE IF: 0.753		16, 1, 15-30	03/2015

6	Null controllability in large time of a parabolic equation involving the Grushin operator with an inverse-square potential	2	Không	Nonlinear Differential Equations and Applications NoDEA	Q1 - SCIE <i>IF: 1.017</i>	1	23, 2, Article 20, 1-26	04/2016
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
7	Local exact controllability to trajectories of the magneto-micropolar fluid equations	2	Không	Evolution Equations and Control Theory	Q2 - SCIE <i>IF: 1.031</i>	2	6, 3, 357-379	09/2017
8	Stabilizing the long-time behavior of the Navier-Stokes-Voigt equations by fast oscillating-in-time forces	2	Không	Bulletin of the Polish Academy of Sciences Mathematics	- Hệ thống CSDL quốc tế khác	2	65, 2, 177-185	11/2017
9	Regularity of global attractor for a 3D magnetohydrodynamic-alpha model	3	Không	Annales Polonici Mathematici	Q3 - SCIE <i>IF: 0.569</i>	2	120, 2, 97-114	12/2017

10	Global attractors for nonlocal parabolic equations with a new class of nonlinearities	3	Không	Journal of the Korean Mathematical Society	Q3 - SCIE IF: 0.541	3	55, 3, 531-551	05/2018
11	Discrete data assimilation for the three-dimensional Navier-Stokes- α model	3	Không	Annales Polonici Mathematici	Q2 - SCIE IF: 0.538		122, 3, 201-219	09/2019
12	Upper bounds on the number of determining modes, nodes, and volume elements for a 3D magnetohydrodynamic- α model	3	Có	Journal of Applied Analysis and Computation	Q2 - SCIE IF: 1.693		10, 2, 624-648	01/2020
13	Attractors for nonclassical diffusion equations with dynamic boundary conditions	2	Có	Nonlinear Analysis: Theory, Methods & Applications	Q1 - SCIE IF: 1.75	3	195, Article 111737, 1-26	06/2020

14	Gromov-Hausdorff stability of global attractors of reaction diffusion equations under perturbations of the domain	3	Không	Journal of Differential Equations	Q1 - SCIE <i>IF: 2.197</i>	1	269, 1, 125-147	06/2020
15	Upper bounds on the number of determining nodes for 3D Navier-Stokes-Voigt equations	2	Có	Annales Polonici Mathematici	Q3 - SCIE <i>IF: 0.290</i>		125, 1, 83-99	07/2020
16	Attractors for a class of delayed reaction-diffusion equations with dynamic boundary conditions	2	Có	Discrete and Continuous Dynamical Systems-Series B	Q1 - SCIE <i>IF: 1.255</i>		25, 8, 3135-3152	08/2020
17	Feedback control of Navier-Stokes-Voigt equations by finite determining parameters	2	Có	Acta Mathematica Vietnamica	Q3 - Scopus <i>IF: 0.7</i>		45, 4, 917-930	12/2020

18	On the Number of Determining Volume Elements for 3D Navier- Stokes-Voigt Equations	3	Không	Acta Mathematica Vietnamica	Q3 - Scopus IF: 0.7		45, 4, 967-980	12/2020
19	Global attractors and exponential stability of partly dissipative reaction diffusion systems with exponential growth nonlinearity	2	Không	Applicable Analysis	Q2 - SCIE IF: 1.108	1	100, 4, 735- 751	01/2021
20	Stability and stabilization for the three- dimensional Navier- Stokes-Voigt equations with unbounded variable delay	1	Có	Evolution Equations and Control Theory	Q2 - SCIE IF: 1.235		10, 4, 1007- 1023	12/2021

21	Lipschitz stability in inverse source problems for a singular parabolic equation	3	Không	Applicable Analysis	Q2 - SCIE <i>IF: 1.108</i>		101, 8, 2805- 2824	06/2022
----	---	---	-------	---------------------	----------------------------------	--	--------------------------	---------

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 6 ([12] [13] [15] [16] [17] [20])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
----	--	---------------------------	--	----------------------------------	------------

Không có

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
Không có						

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☒

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: V.M. Toi and N.T. Ngan, Upper bounds on the number of determining nodes for 3D Navier-Stokes-Voigt equations. Ann. Polon. Math. 125 (2020), no. 1, 83--99

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

thành phố Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2022

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)